

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2025/DS-PT

Ngày: 24-02-2025

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Vũ.

Các thẩm phán:

- Ông Phạm Văn Tâm;
- Bà Dương Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Mạnh Hùng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gọn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 679/2024/TLPT-DS ngày 12 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 180/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện DMC, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 62/2025/QĐ-PT, ngày 07 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Tạ Thị S, sinh năm 1961; cư trú tại: Tổ H, ấp K, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Tạ Thị S: Anh Hồ Tân B, sinh năm 1987; cư trú tại: Tổ H, ấp K, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh (theo Văn bản ủy quyền ngày 30-01-2024); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Tạ Thị S: Ông Lê Xuân B1, Luật sư của Công ty L3, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị Thu H, sinh năm 1983; cư trú tại: Tổ H, ấp K, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Tạ Bùi Phương T, sinh năm 1986; cư trú tại: Tổ H, ấp K, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3.2. Ngân hàng N;

Địa chỉ: Số B L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quốc D, chức vụ: Giám đốc, Ngân hàng N - Chi nhánh huyện D, tỉnh Tây Ninh (theo Quyết định ủy quyền số 2665/QĐ-NNN₀-PC ngày 01-12-2022); có đơn xin vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Tạ Thị S, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 12 năm 2023 của bà Tạ Thị S và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bà S, anh Hồ Tân B trình bày: Bà S là em gái của ông Tạ Văn R, chị H là con dâu của ông R. Năm 2023, bà S nhận chuyển nhượng phần đất tại thửa số 485, tờ bản đồ số 13, diện tích 749 m², được Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh T (viết VPĐKĐĐ tỉnh) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết GCN QSDĐ) số VP06286, ngày 01-6-2023 cho bà S đứng tên. Giáp ranh đất bà S là đất của chị Phạm Thị Thu H, giữa ranh đất của bà S và chị H chưa có hàng rào và không cắm trụ ranh. Bà S muốn làm hàng rào phần đất của mình, nhưng bị chị H ngăn cản. Bà S, chị H đều cho rằng khoảng trống giữa hai phần đất là của mình nên xảy ra tranh chấp.

Nguồn gốc phần đất của chị H và của bà S đều là của ông R. Trước thời điểm tranh chấp, ông R tách phần đất này cho 02 người con trai là Tạ Bùi L và Tạ Bùi Phương T, là chồng của chị H do anh T sang tên cho vợ đứng tên. Đối với phần đất của anh L, thì ông R sinh sống cùng anh L trên phần đất này. Sau đó, ông R chuyển nhượng toàn bộ phần đất của anh L cho bà L1 (bà L1 để cho con là anh P đứng tên). Năm 2022, anh P khởi kiện ranh đất với chị H; bà S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đến Tòa án làm việc vì có 02 m đất bà S nhận chuyển nhượng bằng giấy tay của ông R, sau đó bà S nhận chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích đất của anh P. Cuối năm 2023, bà S rào lại phần đất này thì xảy ra tranh chấp; đất bà S thiếu so với giấy được cấp, nên cho rằng khoảng trống giữa 02 phần đất này là của mình và rào lại. Sau khi có kết quả đo đạc, bà S, chị H xác định phần đất tranh chấp là 51,5 m², trong đó có một phần tường nhà chữ L nhà bà S, nay yêu cầu chị H trả lại bà phần diện tích này.

Bị đơn chị Phạm Thị Thu H trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Tạ Văn R là của cha chồng chị. Phần đất bà S sử dụng nhận chuyển nhượng lại của cha chồng chị và anh L (do anh L đứng tên). Trước đó, cha chồng chị chuyển nhượng cho bà S 02m bằng giấy tay trong phần đất này, sau đó chuyển nhượng cho anh P con bà L1 11,6 m ngang. Bà S là người chuyển nhượng đất này lại của anh P. Anh P cũng đã tranh chấp với chị phần ranh đất này, nguyên nhân tranh chấp là ông R chuyển nhượng mét ngang lên bức tường chữ L của anh P là lấn sang đất nhà chị nên chị không cho tô, nhưng sau đó bà S nhận chuyển nhượng lại đất của anh P thì lại tiếp tục xảy ra tranh chấp.

Phần đất trước khi anh L đứng tên có chiều ngang 13,66 m, bà S nhận chuyển nhượng 02 m bằng giấy tay nhưng chưa tách thửa. Do anh L thiếu nợ bà L1, nên cha chị chuyển nhượng 11,6 m ngang còn lại để trừ nợ cho bà L1, với giá 960.000.000 đồng, cộng với 02 m bà S chuyển nhượng bằng giấy tay là 13,6 m. Đo theo mét ngang, phần bức tường nhà chữ L của bà S nằm bên phần đất của chị, nhưng nhà này do cha chồng chị xây dựng trước đó để sinh sống, nên khi bán cả căn nhà, do đó chị xác định không có tranh chấp phần bức tường nhà này và xác định ranh đất giữa hai nhà là từ mé tường chữ L nhà bà S.

Chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà S, vì chị không lấn chiếm đất như bà S trình bày; khoảng đất trống giữa hai nhà này là của chị sử dụng từ trước đến nay, nên không đồng ý cho bà S rào lại; khi nhận chuyển nhượng bà S cũng đã cắm ranh bằng trụ bê tông phía sau. Bà S cho rằng, trên đất tranh chấp không có tài sản gì là không đúng, mà có bậc tam cấp của nhà chị, nên không có căn cứ cha chồng chị chuyển nhượng phần đất có tam cấp nhà chị.

Theo kết quả đo đạc phần đất tranh chấp 51,5 m² có một phần tường nhà chữ L của bà S. Do đó, chị xác định chỉ tranh chấp diện tích từ mé tường chữ L nhà bà S sang qua đất nhà chị có diện tích 36,1 m² và chị có đơn phản tố yêu cầu Tòa án công nhận diện tích đất này là của chị, vì trên đất này có tam cấp nhà chị đang sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Tạ Bùi Phương T trình bày: Anh là chồng của chị H. Phần đất chị H đang sử dụng do cha anh là ông Tạ Văn R tặng cho anh, nhưng thỏa thuận anh để chị H đứng tên. Anh thống nhất với lời trình bày của chị H, tài sản trên đất là tài sản chung của hai vợ chồng. Anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngân hàng N trình bày: Chị Phạm Thị Thu H và anh Tạ Bùi Phương T có giao GCN QSDĐ diện tích 572 m², thửa số 484, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại ấp K, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh để vay tiền tại Ngân hàng N – Chi nhánh D vay

100.000.000 đồng chưa đến hạn trả, nên Ngân hàng không khởi kiện. Khi giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án xem xét bảo đảm lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 180/2024/DS-ST, ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện DMC, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ Điều 175 của Bộ luật Dân sự; Điều 166 của Luật Đất đai; Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị S về “Tranh chấp quyền sử dụng đất” đối với chị Phạm Thị Thu H diện tích 51,5 m², một phần thửa số 485, tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc tại ấp K, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Phạm Thị Thu H về tranh chấp quyền sử dụng đất đối với bà Tạ Thị S. Công nhận diện tích 36,1 m², một phần thửa số 485, tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc tại ấp K, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh là của chị Phạm Thị Thu H.

Xác định ranh đất giữa nhà bà Tạ Thị S và chị Phạm Thị Thu H từ điểm A đến B, dài 47,19 m (có sơ đồ kèm theo).

- Kiến nghị Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Tạ Thị S, số vào sổ VP06286 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh T cấp ngày 01-6-2023 và thu hồi một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị Phạm Thị Thu H, số vào sổ CS05654 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 17-10-2022. Đồng thời cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Tạ Thị S và chị Phạm Thị Thu H cho phù hợp với quyết định của bản án này.

- Đình chỉ yêu cầu phản tố của chị Phạm Thị Thu H yêu cầu Tòa án công nhận diện tích 15,4 m² là của chị H.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

Ngày 26-9-2024, bà Tạ Thị S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện DMC, yêu cầu cấp phúc thẩm buộc chị H trả lại cho bà diện tích tranh chấp 51,5m².

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà S cho rằng, chị H được cấp giấy diện tích 572m², diện tích thiếu so với thực tế nhưng chị H không khiếu nại đến cơ quan thẩm quyền; trụ bê tông phía sau là trụ ranh của ông R với bà L1 giáp đất phía sau của người khác; khi bà S phát hiện thiếu diện tích 51,5 m², bà S khiếu nại đến UBND cấp xã, được hòa giải và khởi kiện ra Tòa án. Cho đến nay chị H không khiếu nại hay khởi kiện diện tích đất

được cấp thiếu, do đó chị mất quyền lợi của mình. Về hiện trạng không thay đổi do bên bà S đề cơ quan thẩm quyền giải quyết; trụ bê tông ranh phía trước kéo dài đến trụ bê tông phía sau là không đúng.

Phần đất mà ông R cho chị H có phần nhà chữ L nằm trong giấy đất của bà S, do có họ hàng nên nay anh B đại diện cho bà S rút lại một phần kháng cáo chỉ yêu cầu trả lại diện tích 24m^2 để làm ranh giới, không tính hành lang bất tam cấp, do đó đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S buộc chị H trả lại 24m^2 .

Bà S, anh B thống nhất với lời trình bày của Luật sư, không bổ sung thêm ý kiến.

Chị H, anh T không đồng ý với kháng cáo của bà S yêu cầu anh chị trả diện tích $51,5\text{ m}^2$, cũng như tại phiên tòa rút lại một phần chỉ yêu cầu trả 24 m^2 ; đề nghị giữ nguyên bản án của Tòa án nhân dân huyện D đã xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bà S rút lại lại một phần kháng cáo, chỉ yêu cầu chị H trả lại diện tích lấn chiếm 24 m^2 , nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, trong khi đất được cắm trụ ranh trước và phía sau, diện tích hai bên sử dụng từ trước đến nay không thay đổi, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà S; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Tạ Thị S kháng cáo theo đúng trình tự, hợp pháp và trong thời hạn quy định của pháp luật, nên đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Phần đất tranh chấp theo kết quả đo đạc thực tế diện tích $51,5\text{ m}^2$ thuộc một phần tại các thửa số 484, 485, 486, tờ bản đồ số 13; trong đó thửa số 484, diện tích $0,4\text{ m}^2$, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp GCN QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 618215, số vào sổ CS05654 ngày 17-10-2022 cho chị Phạm Thị Thu H đứng tên. Thửa số

485, diện tích 49,1 m², được Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh T cấp GCN QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL 865241, số vào sổ VP06286 ngày 01-6-2023 cho bà Tạ Thị S đứng tên và thửa số 486, diện tích 02 m² của bà Tạ Thị S cũng được cấp GCN QSDĐ.

[3] Nguồn gốc thửa đất số 484, 485, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại ấp K, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh là của ông Tạ Văn R. Trong thời gian quản lý, sử dụng đất, năm 2020 ông R làm thủ tục tặng cho con là anh Tạ Bùi L và anh Tạ Bùi Phương T, đất được cấp GCN QSDĐ. Ông R sống trên nhà đất tặng cho anh L, còn anh T, chị H sống trên nhà đất ông R tặng cho anh T, nhưng chị H đứng tên GCN QSDĐ. Nhà, đất của anh L sau đó chuyển nhượng cho anh P, đến ngày 09-5-2023 bà S nhận chuyển nhượng lại nhà, đất của anh P.

[4] Xét phần đất tranh chấp diện tích 36,1 m², thuộc một phần thửa số 485, tờ bản đồ số 13, được Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh T cấp GCN QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 01-6-2023 cho bà S đứng tên, nhưng từ trước đến nay do chị H, anh T là người trực tiếp quản lý, sử dụng, bà S không sử dụng diện tích tranh chấp này. Bà S nhận chuyển nhượng lại đất của anh P theo giấy chứng nhận được cấp trước đó; quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bà S cũng thừa nhận mốc ranh và hiện trạng hai thửa đất từ trước đến nay không thay đổi; trên phần đất trống tranh chấp có bậc tam cấp của nhà chị H. Bà S cho rằng diện tích bà đang sử dụng thiếu so với GCN QSDĐ được cấp và đất của chị H diện tích nhiều hơn so với giấy được cấp là do lấn chiếm của bà nên yêu cầu trả lại là không có cơ sở.

[5] Bà S kháng cáo yêu cầu chị H trả lại diện tích 51,5 m², tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bà S rút lại một phần kháng cáo, yêu cầu chị H trả lại 24 m² nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, nên không có cơ sở để xem xét. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà S là có căn cứ, được chấp nhận. Không chấp nhận kháng cáo của bà S; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Khi giải quyết vụ án này, cấp sơ thẩm đưa Ngân hàng N vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định của pháp luật. Ông Lê Quốc D, Giám đốc, Ngân hàng N - Chi nhánh huyện D, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo Quyết định ủy quyền số 2665/QĐ-NNN₀-PC ngày 01-12-2022, nhưng khi xét xử cấp sơ thẩm ghi tên người đại diện ông Đinh Văn Đ, Phó giám đốc A chi nhánh huyện D là thiếu kiểm tra; chị H rút lại một phần yêu cầu phản tố diện tích 15,4 m², nhưng trong phần quyết định không áp dụng điều luật để đình chỉ là thiếu sót; cấp sơ thẩm chấp nhận phản tố và công nhận cho chị H được quyền sử dụng diện tích 36,1 m², một phần thửa số 485, tờ

bản đồ số 13, nhưng không xác định tứ cận là chưa đầy đủ, những sai sót này cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[7] Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng cộng số tiền 22.662.000 đồng bà S đã nộp và chi phí xong; do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, nên bà S phải chịu chi phí tố tụng này.

[8] Về án phí: Bà Tạ Thị S là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định của pháp luật

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 175, 176 của Bộ luật Dân sự; Điều 105, 203 của Luật Đất đai; các Điều 147, 157, 165 và Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Tạ Thị S; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 180/2024/DS-ST, ngày 26 tháng 9 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện DMC, tỉnh Tây Ninh.

2. Không chấp nhận khởi kiện của bà Tạ Thị S về việc yêu cầu chị Phạm Thị Thu H trả lại diện tích 24 m², một phần thửa số 485, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại ấp K, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh, được Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL 865241, số vào sổ VP06286 ngày 01-6-2023 do bà Tạ Thị S đứng tên.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Phạm Thị Thu H đối với bà Tạ Thị S. Công nhận cho chị Phạm Thị Thu H được quyền quản lý, sử dụng diện tích 36,1 m², một phần thửa số 485, tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc tại ấp K, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận: Đông giáp diện tích 15,4 m² (chị H rút lại yêu cầu phản tố), dài 27,18 m + 6,10 m + 10,15 m; Tây giáp thửa số 484, dài 46 m; Nam giáp thửa số 486, dài 1,58 m; Bắc giáp đường ĐH1, dài 0,06 m (kèm theo sơ đồ đo đạc).

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL 865241, số vào sổ VP06286 ngày 01-6-2023 cấp cho bà Tạ Thị S đứng tên tại thửa số 485, tờ bản đồ số 13 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và

tài sản khác gắn liền với đất số DH 618215, sổ vào sổ CS05654 ngày 17-10-2022 cấp cho chị Phạm Thị Thu H đứng tên tại thửa số 484, tờ bản đồ số 13; đất tọa lạc tại ấp K, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh theo quyết định của bản án này (kèm theo sơ đồ đo đạc).

4. Đình chỉ phần rút lại yêu cầu phản tố của chị Phạm Thị Thu H yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng diện tích 15,4 m², một phần thửa số 485, tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc tại ấp K, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

5. Về chi phí tố tụng: Số tiền tổng cộng 22.662.000 đồng (hai mươi hai triệu, sáu trăm sáu mươi hai nghìn đồng) bà Tạ Thị S phải chịu. Ghi nhận bà S đã nộp và chi phí xong.

6. Về án phí:

6.1. Bà Tạ Thị S được miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

6.2. Chị Phạm Thị Thu H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu số 0008022 ngày 18-9-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện DMC, tỉnh Tây Ninh.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện DMC;
- CCTHADS huyện DMC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Quốc Vũ